
TRAO ĐỔI

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN VỀ CON NGƯỜI VÀ MỘT SỐ HẠN CHẾ DO HIỂU VÀ VẬN DỤNG KHÔNG ĐÚNG

NGUYỄN TÂN HÙNG*
DƯƠNG THỊ PHƯỢNG**

Từ khóa: *con người, bản chất của con người, bản tính của con người, tha hóa, giải phóng con người.*

Ngày nhận bài: 18/6/2020; ngày gửi phản biện: 19/6/2020; ngày duyệt đăng bài: 02/10/2020.

Đặt vấn đề

Không có gì phải nghi ngờ rằng lý luận Mác - Lênin về con người đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của triết học, cho sự nghiệp giải phóng con người trên thế giới và sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, Mác, Ăngghen và Lênin không dành một tác phẩm nào để đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện về vấn đề con người. Mặt khác, do cách hiểu và vận dụng không đúng lý luận đó trong cách mạng xã hội chủ nghĩa thời kì trước đổi mới đã gây ra nhiều sai lầm đáng tiếc trong thực tiễn. Do vậy, việc nghiên cứu lý luận Mác - Lênin về con người trong thời kì đổi mới hiện nay, chúng ta cần phải tiếp cận lý luận đó ở hai mặt: một là, khẳng định những đóng góp to lớn của nó và hai là, chỉ ra một số hạn chế nhất định về những cách hiểu không đầy đủ, máy móc, giáo điều và trong việc vận dụng không đúng đã gây ra nhiều tổn thất cho cách mạng nước ta và thế giới.

1. Những giá trị và đóng góp của lý luận Mác - Lênin về con người

1.1. Tình yêu thương những con người bị áp bức, bóc lột của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin

Lý luận của Mác, Ăngghen và Lênin về con người xuất phát từ sự đồng cảm và lòng yêu thương sâu sắc của các ông đối với bộ phận đông đảo người lao động bị áp bức, bóc lột trong xã hội đương thời; mong muốn của các ông là được góp phần giải phóng và phát triển con người toàn diện.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dành nhiều phần quan trọng trong một số tác phẩm của mình để phân tích tình trạng nghèo đói, bất công trong xã hội tư bản. Ngay cả những nhà tư tưởng chống cộng kịch liệt nhất cũng phải thừa nhận tình cảm chân thành của các ông đối với nhân dân lao động và công nhận rằng những phân tích của các ông về tình trạng bất công của chủ nghĩa tư bản trong thời kì đó là

* PGS.TS.; Nguyên Chủ nhiệm Khoa Mác - Lênin, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

** TS.; Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng.

không thể chối cãi được. Karl Popper, một nhà triết học người Anh gốc Áo, trong tác phẩm *Xã hội mở và những kẻ thù của nó* đã có lời nhận xét xác đáng như sau: “Ta không thể đánh giá Mác một cách công bằng nếu không công nhận tính chân thành của ông... Ông có ước mơ cháy bỏng là được giúp đỡ những người bị áp bức và hoàn toàn có ý thức về nhu cầu cần phải chứng tỏ mình bằng hành động, mà không chỉ bằng lời nói. Tài năng chính của ông là tài lí luận, ông đã dành công sức to lớn để rèn cái ông tin là vũ khí khoa học cho cuộc đấu tranh để cải thiện số phận của đại đa số người” (Popper, 1945, tr.78).

Với tình thương yêu vô hạn những người lao động bị áp bức, bị bóc lột, ngay từ thời trẻ, Ph.Ăngghen đã viết tác phẩm *Tình cảnh giai cấp lao động Anh*; C. Mác đã đi sâu nghiên cứu một vấn đề vừa có tính nhân đạo sâu sắc, vừa có tính thực tiễn cấp thiết, đó là *tình trạng tha hóa* của người công nhân trong lao động. Đây là những đóng góp to lớn của các ông, đã được thừa nhận rộng rãi kể cả trong giới lí luận ngoài Mácxít và được vận dụng thành công ở các nước tư bản để khắc phục một phần tình trạng tha hóa của người lao động, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

1.2. Một số đóng góp quan trọng của triết học Mác - Lênin cho lí luận về bản chất của con người

C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra điều cốt lõi phân biệt giữa con người với con vật và chứng minh một cách khoa học vai trò của lao động sản xuất trong quá trình tiến hóa từ đời sống động vật đến đời sống con người. Đây là đóng góp có ý nghĩa quyết định trong việc nghiên cứu vấn đề bản chất của con người.

Đề cập đến bản chất của con người, trước hết chúng ta cần xác định con người là gì, con người phân biệt với thế giới tự nhiên ở điểm cơ bản nào. C.Mác đã chỉ ra rằng, một mặt, con người là một bộ phận của giới tự nhiên; mặt khác, con người phân biệt với tự nhiên, cụ thể là con người khác với con vật. Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - xã hội năm 1844*, từ chỗ dựa trên hoạt động sống để phân biệt giữa các loài sinh vật (mỗi loài sinh vật như thực vật, động vật có hoạt động sống đặc trưng của nó), C.Mác đi đến kết luận rằng *sự phân biệt giữa con người với con vật là ở tính chất của hoạt động sống* của con người và nó có đặc trưng là *hoạt động tự do có ý thức*. Ông nói: “Tính chất của hoạt động sinh sống bao hàm toàn bộ tính chất của một chủng nhất định, tính loài của nó và hoạt động tự do, có ý thức chính là tính chất loài của con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2004, tập, 42, tr. 136).

Hoạt động sinh sống của con vật là hoạt động thuần túy *vật chất, bản năng, vô thức*. Con vật không phân biệt được bản thân nó với hoạt động sinh sống của nó. Trái lại, *hoạt động sinh sống của con người là hoạt động có ý thức*; con người nhận thức được hoạt động sinh sống của chính mình. Con người điều khiển hoạt động sinh sống của mình bằng ý thức, ý chí của mình. C.Mác viết: “Con vật đồng nhất trực tiếp với hoạt động sinh sống của nó. Nó không tự phân biệt nó với hoạt động sinh sống của nó. Nó là *hoạt động sinh sống ấy*. Còn con người thì làm cho bản thân

hoạt động sinh sống của mình trở thành đối tượng của ý chí và ý thức của mình. Hoạt động sinh sống của con người là hoạt động sinh sống có ý thức... Hoạt động sinh sống có ý thức phân biệt trực tiếp con người với hoạt động sinh sống của con vật” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2004, tập 42, tr. 136).

Phân biệt con người với con vật ở hoạt động sinh sống là *cách tiếp cận khoa học*. Ngày nay, khoa học phân biệt sự khác nhau giữa động vật với thực vật cũng ở hoạt động sinh sống của chúng. Thực vật sinh sống bằng cách trao đổi chất với môi trường thông qua *hoạt động quang hợp* (hấp thụ những chất vô cơ trong môi trường bằng rễ, thân, lá và tổng hợp chúng thành những chất hữu cơ nhờ năng lượng ánh sáng); còn động vật trao đổi chất thông qua *con đường tiêu hóa* những chất hữu cơ và vô cơ trong môi trường (bằng hệ thống tiêu hóa từ đơn giản đến phức tạp). Con người là một sinh vật nên có điểm chung với tất cả sinh vật khác ở sự *đồng hóa, dị hóa*. Con người là một động vật nên cũng phải *ăn uống* giống như những động vật khác. Tuy nhiên, con người khác với tất cả các loài động vật khác ở điểm cơ bản nhất: hoạt động sinh sống của con người là hoạt động có ý thức, đó là *hoạt động sản xuất vật chất*. Bằng hoạt động có ý thức, con người sản xuất ra thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo, phương tiện đi lại, thuốc chữa bệnh,... Dĩ nhiên, hoạt động sản xuất vật chất chỉ là những *hoạt động cơ sở, cơ bản*, bên trên còn có nhiều hoạt động cao hơn nữa, như hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động nghệ thuật,... Tuy nhiên, nếu không có hoạt động cơ sở này thì con người không thể có bất kì hoạt động văn hóa, văn minh nào khác.

C.Mác chỉ ra rằng *bản chất của con người cần phải được xem xét thông qua “tổng hòa những quan hệ xã hội”* - đây cũng là một đóng góp quan trọng cho lí luận về bản chất của con người.

Con người là một *động vật - xã hội*, trong đó mặt xã hội giữ vai trò quyết định bản chất của con người. Do đó cần phải căn cứ vào toàn bộ những hoạt động và quan hệ xã hội mới hiểu được con người. Các nhà triết học duy vật trước Mác như Ludwig Feuerbach chỉ nhìn thấy con người ở bản chất loài, do vậy không thể hiểu được con người hiện thực. Chỉ ra khiếm khuyết này, trong *Luận cương về Phoiơbắc*, C.Mác vạch rõ: “Ở Phoiơbắc, bản chất con người chỉ có thể được hiểu là “loài”, là tính phổ biến nội tại, cầm, gấu bó một cách thuần túy tự nhiên đông đảo cá nhân lại với nhau”. Nhưng bản chất con người, theo C.Mác “không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt”. Từ đó ông khẳng định: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập. 3, tr. 11). Điều khẳng định này góp phần vào việc khắc phục quan điểm duy tâm và duy vật máy móc về con người.

1.3. Giải phóng con người là nhiệm vụ trung tâm trong lí luận về con người của triết học Mác - Lênin

Mục đích của giải phóng con người, ngoài việc xóa bỏ áp bức, bóc lột còn là để con người trở thành tự do. C.Mác vạch ra tất cả những ràng buộc về tôn giáo,

kinh tế - xã hội đối với con người. Trong *Lời nói đầu* tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, Mác chỉ ra rằng phê phán tôn giáo có mục đích là giúp con người thoát khỏi ảo tưởng về một hạnh phúc giả tạo để mưu cầu cho mình một hạnh phúc thật sự. C. Mác viết “Xóa bỏ tôn giáo, với tính cách là xóa bỏ hạnh phúc *ảo tưởng* của nhân dân, là yêu cầu thực hiện hạnh phúc *thực sự* của nhân dân” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập. 1, tr. 570). Theo Mác, tác dụng của sự phê phán tôn giáo là giúp con người vứt bỏ xiềng xích của “những bông hoa giả” để giơ tay hái lấy “những bông hoa thật”, *thoát khỏi ảo tưởng* để bắt đầu suy nghĩ, hành động, xây dựng tính hiện thực của mình. C.Mác cũng chỉ ra mục đích của việc phê phán tôn giáo nhằm lật đổ tất cả những quan hệ, trong đó con người bị hạ thấp, bị làm nhục, đưa con người lên địa vị tối cao đối với con người. “Việc phê phán tôn giáo dẫn đến học thuyết cho rằng người là sinh vật tối cao đối với con người, do đó dẫn đến cái mệnh lệnh tuyệt đối đòi hỏi phải lật đổ tất cả những quan hệ, trong đó con người là một sinh vật bị làm nhục, bị nô dịch, bắt lức, bị khinh rẻ” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 1, tr. 580 - 581).

Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăngghen đã phân tích và chỉ ra những ràng buộc của phương thức sản xuất dựa trên chế độ tư hữu nhỏ làm cho con người mất tự do. Theo các ông, chủ nghĩa cộng sản là *sự giải phóng con người và phát triển con người một cách toàn diện*. Con người sẽ *được hưởng thụ tất cả những thành quả của nền sản xuất vật chất và tinh thần của nhân loại*. Con người sẽ *làm chủ một cách có ý thức* đối với tất cả những lực lượng từ trước đến nay vẫn thống trị con người một cách mù quáng. Các ông viết: “Chỉ có như vậy thì các cá nhân riêng rẽ mới được giải thoát ra khỏi những khuôn khổ dân tộc và địa phương khác nhau của mình, mới có được những liên hệ thực tiễn với nền sản xuất (kể cả sản xuất tinh thần) của toàn thể giới và mới có được khả năng hưởng thụ nền sản xuất của toàn thể giới về mọi lĩnh vực (tất cả những sáng tạo của con người)” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 3, tr. 53).

Các ông chỉ ra những hạn chế của chế độ tư hữu nhỏ, trong đó “mỗi người đều có một phạm vi hoạt động nhất định và độc quyền mà người đó buộc phải nhận lấy và không thể thoát khỏi được”. Còn trong xã hội tương lai, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất cơ bản và khi xã hội điều tiết được toàn bộ nền sản xuất, *con người sẽ được tự do, không bị bó buộc vào một sự phân công lao động cố định như từ trước đến nay*. Mỗi cá nhân có thể làm những việc theo năng lực và sở thích của mình; mỗi người đều có thể tự hoàn thiện mình trong bất kì lĩnh vực nào mình thích, thành thử “tôi có khả năng hôm nay làm việc này, ngày mai làm việc khác, buổi sáng đi săn, quá trưa đi đánh cá, buổi chiều chăn nuôi, sau bữa cơm thì làm việc phê phán, tùy theo sở thích của tôi mà chẳng bao giờ trở thành người đi săn, người đánh cá, người chăn nuôi hoặc nhà phê phán cả” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 3, tr. 47).

2. Một số hạn chế do cách hiểu và vận dụng không đúng lí luận Mác - Lênin về con người

Việc hiểu và vận dụng quan điểm triết học Mác - Lênin về con người, trong thời kì trước đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa thường mắc phải một số thiếu sót như sau: ***Tuyệt đối hóa mặt xã hội, hiểu sai thực chất vai trò của quan hệ xã hội và không lường hết những biểu hiện tiêu cực xuất phát từ mặt tự nhiên của con người.***

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin không có ý định đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh nào về bản chất con người, do vậy có thể gây ra một số cách hiểu sai lệch về vấn đề này. Câu nói của C.Mác trong *Luận cương về Phoiơbắc* thường được coi là định nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lênin về bản chất của con người. Thật ra đây chỉ là điều Mác phê phán đối với Phoiơbắc. Quan điểm của Phoiơbắc về con người là một quan điểm duy vật máy móc có họ hàng với quan điểm duy vật tầm thường của nhà tâm lí học Đức Jacob Moleschott. Phoiơbắc có lí khi coi con người là sản phẩm của tự nhiên, là thể thống nhất giữa cơ thể và ý thức, nhưng ông *không thấy vai trò của đời sống xã hội của con người*. Ông nói: “Con người là cái mà anh ta ăn vào” (Claeys, 2005, tr.161). Đối lập với Phoiơbắc, C.Mác chỉ ra rằng cần phải căn cứ trên đời sống xã hội mới xác định đúng được bản chất của con người. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là bản chất của con người chỉ có ở mặt xã hội mà thôi, do đó câu nói trên của Mác không thể được coi là một định nghĩa về bản chất của con người.

Đối lập với quan điểm duy vật siêu hình tuyệt đối hóa mặt tự nhiên - động vật, các nhà lí luận ở các nước xã hội chủ nghĩa thời kì trước đổi mới lại tuyệt đối hóa mặt xã hội nên đã mắc phải một số thiếu sót như sau:

+ *Hiểu quan hệ xã hội như là thành phần gia đình, giai cấp xuất thân; quy quan hệ xã hội về quan hệ sở hữu.* Với cách tiếp cận như vậy, chỉ có những người vô sản thì mới có đầy đủ tinh thần cách mạng. Thật ra, trong bất cứ thành phần, giai cấp nào cũng có người tốt, người xấu, người ủng hộ cách mạng, người chống lại cách mạng. Thực tế cho thấy nhiều người có thành phần gia đình tốt, có thành tích và địa vị cao trong Đảng mà vẫn phản bội lí tưởng cách mạng. Như vậy, quan hệ xã hội chỉ là nơi mà thông qua đó bản chất tốt hay xấu của mỗi cá nhân được biểu hiện ra mà thôi.

+ *Vì tuyệt đối hóa mặt xã hội nên không chú ý đầy đủ mặt động vật, tức mặt “con” trong bản tính tự nhiên của con người, tạo ra những lỗ hổng trong quản lí và pháp luật.* Mặc dù từ sau đổi mới, trong các giáo trình triết học Mác - Lênin, mặt tự nhiên trong bản tính của con người cũng đã được đề cập đến, nhưng vai trò của nó vẫn chưa được phân tích một cách đầy đủ. Con người trước hết là *một cá thể động vật*, nên tính tham lam, ích kỉ, cá nhân,... không thể bị xóa bỏ hết được trong quá trình rèn luyện mình để trở thành một thực thể xã hội. Vì thế, khi có điều kiện nhất định thì cái xấu của mỗi cá thể sẽ biểu hiện ra (điều này còn tùy thuộc

vào khả năng kiểm chế và ý thức tự chủ của mỗi cá nhân). Vì quá lạc quan về bản tính xã hội của con người nên trong quản lí và luật pháp còn nhiều sơ hở, lỗ hổng tạo điều kiện cho hiện tượng tham nhũng phát triển.

Sự tha hóa của lao động tuy đã được C.Mác nghiên cứu, nhưng chỉ giới hạn trong phương thức sản xuất tư bản. Ngoài nguyên nhân bóc lột, bất công thì tình trạng tha hóa của con người trong lao động có còn những nguyên nhân nào khác không? Vấn đề này không được các nhà lí luận Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục nghiên cứu. Cho nên mặc dù lí luận về lao động bị tha hóa đã được vận dụng tương đối thành công ở các nước tư bản, nhưng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ trước đổi mới, tình trạng tha hóa của người lao động chẳng những không khắc phục được mà còn diễn ra một cách phức tạp hơn. Không chỉ có tha hóa của người công nhân trong các nhà máy, người nông dân trong các nông trang và hợp tác xã, mà người ta còn nói đến sự tha hóa của người lao động trong các cơ quan công quyền và ngay cả trong các cơ sở khoa học và quản lí giáo dục nữa. Rõ ràng, tình trạng tha hóa của người lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ trước đổi mới không phải xuất phát từ chế độ tư hữu và tình trạng bị bóc lột người lao động, mà xuất phát từ một nguyên nhân khác không được chú ý tới, đó là *từ bản tính tự nhiên của con người*. Con người vốn có mặt xấu trong bản tính của nó, như lánh nặng tìm nhẹ, lánh hại tìm lợi,... cho nên nếu sự quản lí lao động không chặt chẽ thì sẽ xảy ra tình trạng chây lười, lãng công, thậm chí có tình trạng lợi dụng thời gian lao động, sở hữu tập thể để mưu cầu lợi ích ích kỉ của cá nhân.

3. Một số đề xuất nhằm bổ sung phát triển lí luận về con người phù hợp với bối cảnh mới của thế giới và thực tiễn cách mạng Việt Nam

3.1. Cần phân biệt ba khái niệm: “bản chất của con người”, “bản tính của con người” và “nhân cách”

Bản chất của con người (nói chung) có thể được định nghĩa: *Con người là một động vật xã hội*. Định nghĩa này hoàn toàn phù hợp với quan điểm triết học Mác - Lênin về con người. Con người có hai mặt: mặt *động vật* và mặt *xã hội*.

Mặt tự nhiên, tức mặt động vật: con người là sản phẩm của tự nhiên, là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của tự nhiên. Con người là một loài động vật cao cấp có đầy đủ những bản năng sinh tồn và những biểu hiện tâm lí của một cá thể động vật. *Mặt xã hội*: Con người có hoạt động sinh sống có ý thức là lao động sản xuất vật chất và trên cơ sở đó có các quan hệ và hoạt động xã hội phong phú khác. Con người có đời sống cộng đồng. Aristotle nói: “Con người là một động vật chính trị”, được hiểu theo nghĩa là “động vật xã hội”. Mặt xã hội của con người là kết quả tiến hóa lâu dài của văn hóa và văn minh xã hội.

Bản tính của con người là tập hợp những yếu tố tâm lí xuất phát từ bản năng và phát triển trong quá trình trưởng thành, nó có tính ổn định và *khó có thể thay đổi trong quá trình sinh sống*. Bản tính con người cần được hiểu ở hai khía cạnh:

bản tính của con người nói chung và bản tính của mỗi cá nhân con người. Bản tính của con người và của mỗi cá nhân đều có hai mặt tốt và xấu (thiện, ác trong tiếng Trung có nghĩa là tốt, xấu).

Nhân cách là khái niệm chỉ cấu trúc tinh thần tương đối ổn định bên trong của mỗi cá nhân, là một chỉnh thể thống nhất gồm những phẩm chất và năng lực *xã hội - tâm lí* của một cá thể người phù hợp với yêu cầu của xã hội, đồng thời mang bản sắc độc đáo của mỗi cá nhân. Nhân cách bao gồm nhiều mặt, nhiều yếu tố, trong đó *thế giới quan cá nhân* đóng vai trò hạt nhân nòng cốt. Tuy nhiên, suy cho cùng, *năng lực tự ý thức, tự điều chỉnh, khả năng tự rèn luyện* của mỗi cá nhân là yếu tố quyết định.

3.2. Cần tham khảo, kế thừa những điểm hợp lí trong triết học phương Đông về con người

Trong lí luận về bản tính con người ở Trung Quốc cổ đại, Nho giáo với ba nhà triết học: Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử có những đóng góp đáng kể. Tuy mỗi nhà triết học đều có những nét riêng nhưng trong vận dụng, chúng ta cần kết hợp cả ba tư tưởng này thành một thể thống nhất.

Trong quan niệm về tính người, Khổng Tử nhấn mạnh vai trò của rèn luyện (Tính tương cận dã, tập tương viễn dã). Đồng thời, Khổng Tử có chú ý đến bản tính của từng hạng người và từng cá nhân. Ông chia xã hội thành ba hạng người: Thượng trí, hạ ngu và số đông trung bình. Đối với số đông trung bình thì việc học tập, rèn luyện sẽ có tác dụng thay đổi được một số điểm xấu trong bản tính tự nhiên để trở thành người tốt. Tuy nhiên, ông nói: “Duy thượng trí dĩ hạ ngu bất dĩ” (Khổng Tử, Đoàn Trung Còn dịch, 2006, chương Dương Hóa, đoạn 3, tr. 270) (Người có trí cao và kẻ đần độn thì không thể thay đổi). Người thượng trí có khả năng tự học tập, tự rèn luyện tốt; trong học tập, rèn luyện có tinh thần phê phán, biết chọn lọc điều đúng để hình thành nhân cách cho mình, cho nên, như Mạnh Tử nói đối với người trượng phu thì “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” (Mạnh Tử, Đoàn Trung Còn dịch, 2006, chương Đằng Văn Công (Hạ), đoạn 2, tr.184). Còn đối với kẻ đần độn (hạ ngu) thì khả năng nhận thức có hạn, không phân biệt được phải trái, nên khó tiếp thu được điều hay lẽ phải; do vậy, việc giáo dục không làm thay đổi bản tính xấu của hạng người này được.

Đối với học trò, Khổng Tử nắm rõ bản tính của mỗi người để có biện pháp rèn luyện thích hợp. Ông nói: “Trò Sài (Cao Sài, tự Từ Cao) thì kém thông minh; trò Sâm (Tăng Tử) thì chậm lụt, thật thà; trò Sur (Từ Trương) thì hay chưng diện bề ngoài; còn trò Do (Từ Lộ) thì thô tục, kém văn nhâ” (Khổng Tử, Đoàn Trung Còn dịch, 2006, chương *Tiên Tán*, đoạn 17, tr. 169). Trên cơ sở thấu hiểu bản tính của mỗi học trò, Khổng Tử áp dụng phương pháp giáo dục và rèn luyện cụ thể cho từng người: “Bản tính anh Cầu không tiến thủ nên ta phải thúc cho tiến tới; còn anh Do thì muốn hơn người nên ta phải kéo lùi lại” (Khổng Tử, Đoàn Trung Còn dịch, 2006, chương *Tiên Tán*, đoạn 21, tr. 172).

Trên cơ sở kế thừa Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử đưa ra hai cách giải thích đối lập nhau về tính thiện (tốt) và tính ác (xấu) trong bản tính tự nhiên của con người. Mỗi cách tiếp cận tuy phiên diện nhưng đều có điểm hợp lý, vì trong mỗi người đều có cả hai mặt đó, do vậy cần kết hợp hai quan điểm đối lập này lại với tư tưởng của Khổng Tử để có một cách giải thích về bản tính của con người một cách đầy đủ hơn.

Lí luận về bản tính của con người với sự chú ý đầy đủ đặc điểm của từng cá nhân cần được vận dụng không chỉ trong giáo dục đào tạo, mà cả trong tuyển chọn cán bộ và người lao động trong các cơ quan nhà nước.

3.3. Kế thừa những điểm hợp lý trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

Với tinh thần nhân ái sâu sắc, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin để tìm con đường giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh ngay từ thời trẻ đã có thái độ phê phán đối với nhiều vấn đề của chủ nghĩa Mác - Lênin, như vấn đề đấu tranh giai cấp, vấn đề nhà nước, nhất là vấn đề con người.

Đối với Hồ Chí Minh, thành phần giai cấp xuất thân tuy cũng có ít nhiều ảnh hưởng, nhưng không phải là ảnh hưởng quyết định đến tinh thần cách mạng của mỗi người. Người nói: “Trước kia, Mác là con nhà quý phái, Ăngghen là con nhà tư bản. Nhưng hai ông đã hoàn toàn dâng mình cho cách mạng và thành những người sáng lập chủ nghĩa cộng sản”. Người dùng hình ảnh “hoa sen” để ví con người như những đóa sen dù mọc lên từ bùn lầy, nhưng nếu biết phấn đấu “vươn lên mặt nước trong trẻo, hấp thụ ánh sáng mặt trời, thì hoa sen trở nên tươi đẹp, thơm tho. Người ta cũng vậy. Thành phần giai cấp và quan hệ gia đình không thể ảnh hưởng xấu đối với những người thật thà, cách mạng” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 8, tr. 139 - 140).

3.4. Kế thừa những kết quả nghiên cứu về nhân cách trong triết học phương Tây

Tâm lí học phương Tây đương đại đã có nhiều công trình nghiên cứu về nhân cách. Nhiều nhà tâm lí học đã dựa trên các tiêu chuẩn khác nhau để đưa ra các kiểu nhân cách khác nhau, như *tiêu chuẩn giá trị* (tùy theo quan niệm về giá trị nào là cao nhất trong cuộc sống mà mỗi cá nhân rèn luyện để trưởng thành, như chính trị, kinh tế, khoa học hay nghệ thuật), *tiêu chuẩn về quan hệ xã hội* (như hướng nội hay hướng ngoại), *tiêu chuẩn về đạo đức* (thiện, ác),...

Một khuynh hướng nghiên cứu về nhân cách có giá trị thực tiễn cao đã có ảnh hưởng đến nước ta, đó là việc *phân chia ra các mô hình nhân cách dựa trên các kiểu tâm lí khác nhau*, trên cơ sở đó nghiên cứu ảnh hưởng của mỗi kiểu nhân cách đó đối với hoạt động thực tiễn của con người và tìm giải pháp khắc phục những ảnh hưởng bất lợi của một số kiểu nhân cách. Cách tiếp cận này giúp khắc phục được nhược điểm của các lí luận về tính thiện và tính ác đã từng có trong lịch sử triết học và cách tiếp cận thành phần giai cấp về bản tính của con người. Tuy nhiên, nó không giải thích cơ sở hình thành những kiểu nhân cách này.

Năm 1990, Lewis R. Goldberg, nhà tâm lý học nhân cách Mỹ, Giáo sư Trường Đại học Oregon trong bài báo đăng trên Tạp chí *Nhân cách và Tâm lý xã hội* đã đưa ra “Cấu trúc năm yếu tố chính” (The Big-Five Factor Structure) của nhân cách (Goldberg, Lewis R., 1990). Quan điểm của Goldberg được hoan nghênh rộng rãi và được nhiều nhà nghiên cứu phát triển, trong đó có công trình của O. P. John và L.A. Pervin *Sổ tay về nhân cách: Lí luận và sự nghiên cứu* với “Năm cách phân loại chính” (Big Five Factor Taxonomy) của nhân cách (John Oliver P., 2008). Tuy nhiên, đây cũng chỉ là một trong những cách tiếp cận và cách phân loại nhân cách. Do vậy, việc nghiên cứu về nhân cách con người không thể dừng lại ở đây mà cần phải tiếp tục đi xa hơn nữa.

Kết luận

Vấn đề con người là một vấn đề phức tạp, việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin trên quan điểm duy vật lịch sử là một hướng đi đúng đắn và có nhiều đóng góp đáng kể, nhưng những nghiên cứu đó *chưa phải là toàn diện* và không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Do vậy, một mặt, cần đổi mới lí luận Mác - Lênin về con người để vận dụng trong điều kiện xã hội hiện nay. Mặt khác cần chỉ ra những thiếu sót, bất cập của nó và những bài học kinh nghiệm lịch sử để khắc phục. Ngoài ra, cần tham khảo những công trình nghiên cứu trong lịch sử từ cổ đại đến nay, nhất là những công trình nghiên cứu hiện đại trên thế giới về con người để bổ sung, phát triển lí luận Mác - Lênin và vận dụng có hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và phát triển con người ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Claeyes, Gregory Ed., 2005. “Feuerbach, Ludwig”. In *Encyclopedia of Nineteenth-Century*. Thought. Routledge. London.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*, tập 1, 3. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2004. *Toàn tập*, tập 42, 43. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
4. Goldberg, Lewis R. 1990. “An alternative ‘Description of Personality’: the big-five factor structure”. *Journal of personality and social psychology*. Vol. 59, Issue 6, p.1216.
5. Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập*, tập 8. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
6. Popper, Karl. 1945. *The Open Society and Its Enemies*. Routledge. London. Vol. 2.
7. Khổng Tử. (Đoàn Trung Còn dịch). 2006. *Luận ngữ*, Chương 11: *Tiên Tắc*; Chương 17: *Dương Hóa*. Trong sách: *Tứ thư trọn bộ: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử*. Nxb. Thuận Hóa. Huế.
8. Mạnh Tử. (Đoàn Trung Còn dịch). 2006. *Mạnh Tử*, Chương *Đằng Văn Công* (Hạ). Trong sách: *Tứ thư trọn bộ*. Nxb. Thuận Hóa. Huế.
9. John Oliver P., Richard W. Robins and Lawrence A. Pervin. 2008. *Handbook of Personality*. The Guilford Press. New York.